TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 500/2025/DS-PT
Ngày: 18 - 12 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thũy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 391/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH G.

Địa chỉ: Số B khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1988 (có mặt).

Căn cước công dân số: 030088010075, ngày cấp: 02/3/2020, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số F lô B V, Phước Long B, T, Hồ Chí M (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1981 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096081008918, ngày cấp: 09/4/2021, nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đăng ký thường trú: Khóm A, xã N, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Phan Thanh T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty) với ông Phan Thanh T ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm số 190/2022/HĐMB có thời hạn tới ngày 31/12/2023. Theo đó, ông T nhận làm Nhà phân phối cấp I để phân phối sản phẩm thức ăn nuôi tôm nhãn hiệu: THE MOON, Tăng trọng GROMAX PLUS, thức ăn chức năng… do Công ty cung cấp, với các điều khoản chính sau đây:

- Điều 3.1: Cung cấp sản phẩm đúng tiêu chuẩn chất lượng mà Bên A đã đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đúng số lượng, đúng thời hạn, địa điểm cho Bên B theo Đơn đặt hàng đã được Bên A xác nhận.

- Điều 4.2.1: Địa điểm giao hàng tại trụ sở Công ty TNHH T2, địa chỉ: Lô F, KCN L - B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, hoặc tại kho trung chuyển do Bên A chỉ định.

- Điều V: Thanh toán, cụ thể:

Tại 5.1: Bên B thanh toán 100% giá trị từng đơn đặt hàng cho Bên A trước khi nhận hàng, hoặc sau khi nhận hàng tùy từng thời điểm, và theo quyền quyết định duy nhất của Bên A.

5.5 Chậm nhất vào ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng này, Bên B phải thanh toán toàn bộ số dư nợ cho Bên A.

5.6 Trường hợp Bên B ngưng lấy hàng trước ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền Bên B còn nợ cho Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B nhận lô hàng cuối cùng.

Các bên ký các phụ lục hợp đồng số 01-190/2022/PLHĐ ngày 01/11/2022, phụ lục hợp đồng số 01, 02-190/2023/PLHĐ ngày 03/01/2023 về chiết khấu và phạt tiền lãi suất nợ quá hạn, cụ thể: "3.1.2 Các khoản nợ của Bên B đối với Bên A thanh toán trả chậm sau 75 ngày kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn bán hàng, thì tùy theo quyền quyết định duy nhất của Bên A sẽ áp dụng phạt tiền lãi suất nợ quá hạn với mức lãi suất được quy định là 0,035%/ngày.

Tại phụ lục hợp đồng số 02-190/2022/PLHĐ ngày 01/11/2022, hai bên ký kết về nội dung bảo lãnh thanh toán, Ngân hàng N chi nhánh huyện N phát hành chứng thư bảo lãnh thanh toán số NP165915 ngày 26/4/2023 để bảo lãnh cho ông T số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 09/6/2023, ông T đã nhận lô hàng cuối cùng của Công ty; đến ngày 30/6/2023, Công ty và ông T ký bảng đối chiếu công nợ, ông T còn nợ Công ty số tiền 2.678.319.000 đồng. Dựa vào mục 5.6 Điều V của Hợp đồng thì ông T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty trước ngày 24/6/2023, tuy nhiên ông T không thanh toán nợ theo bảng đối chiếu công nợ. Mặc dù hàng tháng Công ty đều có bảng đối chiếu công nợ gửi ông T và ông T đều ký nhận và không phản đối.

Do ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, Công ty đã yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nên ngày 27/11/2023 thì Ngân hàng đã chuyển trả 500.000.000 đồng và trừ chiết khấu cho bị đơn số tiền 289.640.000 đồng. Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án, phía Công ty cộng số tiền lãi từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2023 (sau 75 ngày kể từ ngày chốt nợ cuối cùng 30/6/2023) tại mục 3.1.2 Điều 3 của Phụ lục hợp đồng số 01 năm 2023 cộng cả khoản lãi 104.776.038 đồng vào số tiền gốc 1.888.679.000 đồng là chưa phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Công ty thay đổi khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T trả số tiền gốc là 1.888.679.000 đồng và lãi từ ngày 01/01/2024 cho đến ngày xét xử 13/8/2025 với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 0,035%/tháng.

Nguyên đơn có thiện chí thỏa thuận nếu ông T đồng ý trả nợ thì Công ty sẽ không yêu cầu tính lãi suất mà chỉ yêu cầu trả nợ gốc 1.888.679.000 đồng.

** Bị đơn ông Phan Thanh T trình bày:*

Ông T thừa nhận có ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với Công ty TNHH G (gọi tắt là Công ty) vào ngày 01/11/2022, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông T cho rằng ngày thực hiện giao dịch mua bán với Công ty TNHH G chỉ bắt đầu vào tháng 4, tháng 5 năm 2023 và chỉ giao dịch khoản 1 đến 2 tháng thì ngưng. Việc mua bán thông qua ông Đinh Minh T1 là nhân viên Công ty, ông T liên hệ mua hàng qua ông T1. Khi Công ty giao hàng thì có liên hệ và ông T có ký nhận hàng.

Ông T không xác định được số tiền nợ Công ty trong quá trình mua hàng với Công ty TNHH G.

Ông T có ký vào bảng đối chiếu công nợ tháng 6/2023 với Công ty để chốt số nợ 2.678.319.000 đồng nhưng số tiền ký chốt nợ không xác định. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu giám định chữ ký. Ông T đề nghị phía Công ty cung cấp các chứng từ giao nhận hàng có chữ ký nhận hàng, đúng thì ông T đồng ý thanh toán nợ cho Công ty, tiền lãi ông T vẫn chấp nhận trả. Ông T không có yêu cầu phản tố.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G khởi kiện ông Phan Thanh T về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Buộc ông Phan Thanh T thanh toán tổng số tiền còn nợ là 2.276.047.000 đồng cho Công ty TNHH G.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Tại Đơn kháng cáo ngày 26 tháng 8 năm 2025 và kháng cáo bổ sung, ông Phan Thanh T yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: không thống nhất với kháng cáo của bị đơn; ông T mua hàng 18 lần đều có ký nhận, hàng tháng Công ty có đối chiếu công nợ, đến tháng 6/2023, đối chiếu công nợ, ông T ký tên vào bảng đối chiếu công nợ, tính đến cuối ngày 30/6/2023, ông T ký nhận nợ 2.678.319.000đ, sau đó Công ty đối trừ tiền bảo lãnh của Ngân hàng và tiền chiết khấu, thì ông T còn nợ 1.888.679.000đ.

- Bị đơn, ông Phan Thanh T trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Lý do: Công ty không cung cấp chứng từ của 18 lần giao nhận hàng; tuy ông T có ký tên vào Bảng đối chiếu công nợ tháng 6/2023, nhưng ông không để ý số tiền nợ là bao nhiêu, nếu như có nợ thì số tiền 1.888.679.000đ, phải trừ đi 500.000.000đ (bảo lãnh của Ngân hàng) và 289.640.000đ (tiền chiết khấu), hiện tại ông T nợ Công ty khoảng hơn 01 tỷ đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Phan Thanh T nộp trong thời hạn luật định và đúng quy định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo, ông T yêu cầu hủy án sơ thẩm

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện: Ngày 01/11/2022, Công ty và ông T ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm số 190/2022/HĐMB có thời hạn đến ngày 31/12/2023 (gọi tắt là Hợp đồng số 190); Điều V của Hợp đồng số 190 có điều khoản thanh toán: *"Bên B (ông T) thanh toán 100% giá trị Đơn đặt hàng cho Bên A trước khi nhận hàng, hoặc sau khi nhận hàng tùy từng thời điểm và theo quyền quyết định duy nhất của Bên A"*. Như vậy, theo thỏa thuận của Hợp đồng thì ông T phải thanh toán tiền cho Công ty trước khi nhận hàng, trường hợp thanh toán sau thì do Công ty quyết định.

Trên thực tế, sau khi ký kết Hợp đồng số 190, tính từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/6/2023 có 18 lần ông T mua tổng cộng 135.900kg thức ăn tôm với tổng số tiền 4.311.640.000đ. Từ ngày 09/11/2022 đến ngày 09/6/2023, ông T đã thanh toán cho Công ty A; ngày 30/6/2023, hai bên đối chiếu công nợ, Bảng đối chiếu thể hiện nội dung: tính đến cuối ngày 30/6/2023, ông T còn nợ Công ty 2.678.319.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông T xác nhận có ký tên vào bảng đối chiếu công nợ. Vì vậy, lời trình bày của Công ty về số nợ mà ông T còn thiếu là có căn cứ.

Tại Phụ lục Hợp đồng mua bán thức ăn tôm số 02-190/2022/PLHĐ ký ngày 15/12/2022, có hiệu lực từ ngày ký, Điều 2 về "Bảo lãnh thanh toán" có nội dung:

Để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ tồn đọng, Bên B có nghĩa vụ cung cấp thư bảo lãnh của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng N chi nhánh huyện N có Thư bảo lãnh ngày 26/4/2023, thể hiện*: Thư bảo lãnh có hiệu lực từ ngày phát hành (26/4/2023) đến hết ngày 25/12/2023, trách nhiệm của Ngân hàng theo Thư bảo lãnh giới hạn tối đa số tiền 500.000.000đ.*

Đã nhiều lần Công ty có văn bản gửi ông T về yêu cầu thanh toán nợ, ông T không thực hiện. Vì vậy, Công ty yêu cầu thực hiện theo Thư bảo lãnh, ngày 27/11/2023, Ngân hàng chuyển 500.000.000đ cho Công ty; khấu trừ tiền chiết khấu theo thỏa thuận của Phụ lục Hợp đồng 01-190 với số tiền 289.640.000đ; số tiền gốc còn lại ông T phải thanh toán cho Công ty là 1.888.679.000đ.

Đối với tiền lãi: theo thỏa thuận trong Hợp đồng, chậm thanh toán phải chịu lãi suất. Ông T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty, do đó, yêu cầu tính lãi là phù hợp với điều khoản của Hợp đồng và đúng với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Thời gian tính lãi, Công ty yêu cầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm mức lãi suất 0,035%/ngày (1.05%/tháng), là theo hướng có lợi cho ông T.

Nhận thấy, bản án sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung; cho nên không có căn cứ hủy án theo quy định tại Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Từ nhận định, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Tại Đơn kháng cáo ông T có đề cập đến việc bồi thường thiệt hại, nhưng nội dung này trình bày không rõ ràng; tại cấp sơ thẩm không có đặt ra và chưa được xem xét, giải quyết, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Thanh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G khởi kiện ông Phan Thanh T về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc ông Phan Thanh T thanh toán tổng số tiền còn nợ là 2.276.047.000 đồng cho Công ty TNHH G.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2- Về án phí

2.1- Án phí sơ thẩm

+ Ông Phan Thanh T chịu án phí sơ thẩm là 77.520.940 đồng.

+ Công ty TNHH G được nhận lại toàn bộ án phí dự nộp là 38.390.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014335 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Cà Mau).

2.2- Án phí phúc thẩm: Ông Phan Thanh T phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012365 ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

3. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)
Nguyễn Thị Hiền